

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**

Bản án số: **24/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 03 - 02 -2026

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài;
2. Bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị L**, sinh ngày 08/02/1986;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

Số căn cước công dân: 030186009645.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn D**, sinh ngày 12/01/1985;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

Số căn cước công dân: 030085008032.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Ánh D1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng .

Chị L, anh D có mặt tại phiên tòa, ông D1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng) vào năm 2006. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh D và được Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng) ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2017/QĐST- HNGĐ ngày 20/02/2017. Một thời gian sau ly hôn thì vợ chồng hòa giải, đoàn tụ và đi kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/11/2019. Sau đó , vợ chồng chung sống tại nhà riêng tại Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D chơi bời, ngoại tình không quan tâm đến vợ con. Đi làm không mang tiền về nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Đến tháng 4/2025 anh D đã đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, chị và con đã bỏ ra ngoài thuê trọ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị và con bỏ ra ngoài thuê trọ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Diệu L1, sinh ngày 23/8/2007 và Lê Văn L2, sinh ngày 10/3/2015. Hiện cháu L1 đã trưởng thành và đi làm chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L2 đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu L2 đến khi đủ 18 tuổi (thành niên) và tự nguyện không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng. Hiện chị và cháu L2 đang thuê trọ ở gần nhà bố mẹ đẻ. Bố, mẹ đẻ chị là lao động tự do, còn khỏe mạnh có thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con khi chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn D: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh D đến làm việc, tham gia phiên họp song anh đều vắng mặt không có lý do. Anh chỉ có mặt tại phiên tòa ngày 03/02/2026. Anh xác định về điều kiện kết hôn và

chung sống như Chị L trình bày, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, ngoại tình nhưng là việc thường ngày của đàn ông, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn có biện pháp cải thiện nên anh không nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như Chị L trình bày. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Tại biên bản ghi lời khai ông Lê Ánh D1 (là bố đẻ anh D) trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống giữa anh D và Chị L như Chị L trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và cách quản lý kinh tế. Anh, chị chính thức ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Chị L ra ngoài thuê trọ ở gần nhà bố, mẹ đẻ còn anh D vẫn ở nhà chung của anh D, Chị L. Anh D đi làm cầu thang đá ở Quảng Ninh, thường xuyên vẫn về nhà, thu nhập của anh D khoảng 10 triệu/tháng. Vợ chồng có 02 con chung như Chị L trình bày, cháu L1 đã trưởng thành còn cháu L2 hiện đang ở cùng Chị L. Ông đề nghị Tòa án tích cực hòa giải nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua trao đổi với anh D về việc Chị L xin ly hôn, anh có nói với ông việc ly hôn là việc của Chị L, anh không lên Tòa án làm việc. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D, ông đã giao cho anh D các văn bản trên và không có ý kiến gì.

Qua xác minh tại chính quyền thôn Văn Diệm, xã Hồng Châu nơi anh D sinh sống cung cấp: Anh D, Chị L kết hôn hợp pháp, anh D có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D; giao con chung là Lê Văn L2, sinh ngày 10/3/2015 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn có biện pháp cải thiện để vợ chồng đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn Chị L; Do anh không nhất trí ly hôn nên anh không trình bày quan điểm về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn D. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Văn L2, sinh ngày 10/3/2015 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của Chị L về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng. Chị L có đơn khởi kiện anh D. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án , Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng) vào năm 2006, do phát sinh mâu thuẫn và đã được Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng giải quyết cho Chị L và anh D ly hôn. Đến ngày 29/11/2019 Chị L và anh D kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng). Việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa Chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh D biết rõ việc Chị L khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Anh chỉ trình bày quan điểm tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của Chị L. Do vợ chồng mâu thuẫn nên Chị L đã bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống, hai người ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay Chị L khởi kiện xin ly hôn, tại phiên tòa anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn như Chị L trình bày nhưng anh không nhất trí ly hôn, việc anh chơi bời, ngoại tình là chuyện bình thường của đàn ông và anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của Chị L. HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn D.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Diệu L1, sinh ngày 23/8/2007 và Lê Văn L2, sinh ngày 10/3/2015. Hiện cháu L1 đã trưởng thành và đi làm chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L2 hiện đang ở cùng với Chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng được tiếp tục nuôi con của Chị L là chính đáng, chị có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở và thu nhập để nuôi con, hiện nay con đang được học tập ổn định từ nhỏ và được bố mẹ để Chị L hỗ trợ chăm sóc con giúp chị, còn anh D không có quan điểm giải quyết về con chung. Cháu L2 có nguyện vọng ở với mẹ. Nên cần giao con chung cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đối với việc Chị L tự nguyện không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng hiện nay Chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con chung nên sự tự nguyện của chị phù hợp pháp luật. Do đó không buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Phạm Thị L. Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Văn L2, sinh ngày 10/3/2015 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Chị L.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí Chị L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu Ký hiệu: BLTU/25E số 0003650 ngày 13/10/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/02/2026).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
 - THADS thành phố Hải Phòng;
 - UBND xã H, thành phố Hải Phòng
- (Giấy CNKH số 38, ngày 29/11/2019 của UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long